TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS - ST
Ngày: 09/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bạch Hồng Sơn và bà Trần Thị Nhài.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST - DS ngày 09/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1955, có mặt.
Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.
Bị đơn: Ông Đậu Sỹ T1, sinh năm 1954, vắng mặt.
Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ngày 14/01/2008 âm lịch ông T cho ông Đậu Sỹ T1 vay 12.000.000 đồng với lãi 1,5%/ tháng. Hai bên có lập giấy vay nợ viết tay do ông T viết và ông T1 ký vào giấy vay nợ. Nội dung: ngày 14/01/2008 âm lịch tức là ngày 20/02/2008 dương lịch ông Nguyễn Xuân T cho anh Đậu Sỹ T1 vợ là chị C vay lãi số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1.5% tháng sau một tháng thu lãi hai bên nhất trí hết một năm hoàn trả hết gốc và lãi. Đến ngày 14/6/2008 âm lịch là 5 tháng ông T1 đã trả 900.000 đồng tiền lãi cho ông T. Từ ngày 14/6/2008 âm lịch hai bên thống nhất chuyển lãi cho gốc 12.000.000 đồng lên 2%/tháng, hai bên có lập giấy viết tay do ông T viết và ông T1 ký. Tuy nhiên từ 14/6/2008 âm lịch từ đó đến nay ông T1 chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho ông T. Nay ông T yêu cầu khởi kiện buộc ông T1 trả 12.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ 20/02/2008 đến 20/02/2009 là 1%/tháng, từ 20/02/2009 đến 09/7/2024 là lãi suất 9%/ năm.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu đối với số tiền lãi ngày 14/6/2008 âm lịch ông T1 đã trả vượt quá được trừ vào số tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 11.700.000đ. Số tiền lãi được tính trên số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi vượt quá. Ông T đề nghị giải quyết buộc ông T1 trả nợ số tiền gốc theo quy định của pháp luật và tiền lãi tính từ 20/02/2008 đến 20/02/2009 là 1%/tháng, từ 20/02/2009 đến 09/7/2024 là lãi suất 9%/ năm như ông yêu cầu. Ông không yêu cầu bà Đậu Thị C1 vợ của ông Đậu Sỹ T1 trả nợ. Số tiền cho vay này không liên quan đến bà Hồ Thị T2 vợ ông.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý, Ông T cho ông Đậu Sỹ T1 vay nợ vào những ngày 23/5/2007 âm lịch số tiền 2.000.000 đồng, ngày 22/6/2007 âm lịch số tiền 2.000.000 đồng, ngày 12/3/2008 dương lịch số tiền 2.000.000 đồng đều với lãi 1,5% tháng. Vì ông T làm mất giấy vay nợ gốc chỉ còn bản photo, không công chứng các khoản vay ngày 23/5/2007 âm lịch, ngày 22/6/2007 âm lịch, ngày 12/3/2008 nên ngày 07/5/2024 ông T đã rút khởi kiện các khoản vay trên.

Quá trình xác minh tại Công an phường Q, thị xã H cung cấp: Ông Đậu Sỹ T1, sinh năm 1954 và bà Đậu Thị C1, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú tại khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện nay ông Đậu Sỹ T1 và bà Đậu Thị C1 đang có mặt tại địa phương.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt các văn bản Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Đậu Sỹ T1 vẫn không trình bày ý kiến. Toà án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Đậu Sỹ T1 nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc ông Đậu Sỹ T1 trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền gốc còn nợ là 11.700.000 đồng và tiền lãi sất là 17.017.650 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi suất là 28.717.650 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 có nơi cư trú tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai. Bị đơn ông Đậu Sỹ T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Xét hiệu lực của giấy vay tài sản: Nguyên đơn cung cấp giấy vay là bản gốc, viết tay. Ông Đậu Sỹ T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và các tài liệu bản sao giấy vay tiền do nguyên đơn cấp, triệu tập làm việc và đã xuống làm việc tại nhà nhưng ông T1 lẩn tránh, không có ý kiến gì, từ bỏ quyền được trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào giấy vay nợ nguyên đơn cung cấp nhận thấy: Tại giấy vay nợ viết tay "ngày 14/01/2008 âm lịch tức là ngày 20/02/2008 dương lịch ông Nguyễn Xuân T cho anh Đậu Sỹ T1 vợ là chị C1 vay lãi số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1.5% tháng sau một tháng thu lãi hai bên nhất trí hết một năm hoàn trả hết gốc và lãi. Đến ngày 14/6/2008 âm lịch là 5 tháng ông T1 đã trả 900.000 đồng tiền lãi cho ông T. Từ ngày 14/6/2008 âm lịch hai bên thống nhất chuyển lãi cho gốc 12.000.000 đồng lên 2%/tháng". Nguyên đơn trình bày: ông T viết giấy vay nợ và ông T1 ký, ông T yêu cầu ông T1 trả nợ. Nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng minh khoản vay trên là khoản nợ chung của vợ chồng bà C1 và ông T1. Nên xác định là khoản vay giữa ông T và ông T1. Hai bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên hợp đồng dân sự này xác định là có thời hiệu khởi kiện. Xét tại thời điểm vay hai bên đều đủ năng lực, hình thức của giấy vay tiền phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ xác định giấy vay tiền là có hiệu lực pháp luật, hợp đồng vay tài sản trên là vay có lãi, có kỳ hạn. Ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu Đậu Thị C1 vợ của ông Đậu Sỹ T1 trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khoản nợ này ông T cũng trình bày không liên quan đến vợ là bà Hồ Thị T2. Các khoản vay ngày 23/5/2007 âm lịch, ngày 22/6/2007 âm lịch, ngày 12/3/2008 ngày 07/5/2024 ông T đã rút khởi kiện các khoản vay trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét nội dung về lãi suất: Nội dung giấy vay tiền ghi nhận ngày 20/02/2008 ông T1 vay của ông T số tiền 12.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/ tháng sau một tháng thu lãi hai bên nhất trí hết một năm hoàn trả hết gốc và lãi. Đến ngày 14/6/2008 âm lịch là 5 tháng ông T1 đã trả 900.000 đồng tiền lãi cho ông T. Từ ngày 14/6/2008 âm lịch hai bên thống nhất chuyển lãi cho gốc 12.000.000 đồng lên 2%/tháng, tức là 24%/năm. Lãi suất thời điểm thỏa thuận vượt quá 20%/năm theo Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (NQ 01/2019) thì "*Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết*".

"*Theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019: Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ*

luật Dân sự năm 2005 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc);

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);"

Căn cứ trên lãi xuất hai bên thỏa thuận tại thời điểm 20/02/2008 không vượt quá 1,09%/tháng, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng lãi ngân hàng N công bố tại thời điểm hiện nay là 9%/năm. Theo đó hai bên thỏa thuận theo giấy vay đã vượt quá quy định cho phép. Tuy nhiên, nguyên đơn đã yêu cầu tiền lãi tính từ 20/02/2008 đến 20/02/2009 là 1%/tháng, từ 20/02/2009 đến 09/7/2024 là lãi suất 9%/năm, phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi tiền lãi tính từ 20/02/2008 đến 20/02/2009 là 1%/tháng, từ 20/02/2009 đến 09/7/2024 là lãi suất 9%/ năm.

-Xét về số tiền lãi đã trả: Ngày 14/6/2008 ông T1 đã trả cho ông T 900.000 đồng tiền lãi cho 5 tháng. Theo yêu cầu của ông T lãi 1%/ tháng thì tiền lãi đáng phải trả 5 tháng là 600.000 đồng. Nên ông T đã thu vượt quá 300.000 đồng. Căn cứ Điều 9 Nghị Quyết 01/2019 "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất.....cao hơn mức lãi suất .....được pháp luật quy định thì mức lãi suất..... vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi*". Số gốc tại thời điểm ngày 14/6/2008 âm lịch, tức là 16/7/2008 dương lịch, còn phải trả là 11.700.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn từ 16/7/2008 đến 20/02/2009 là 7 tháng, lãi 1%/tháng với gốc là 11.700.000 đồng là 819.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn từ 20/02/2009 đến 09/7/2024 là 15 năm 4 tháng 18 ngày, lãi 9%/ năm với gốc là 11.700.000 đồng là 16.198.650 đồng.

[4] Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu ông Đậu Sỹ T1 trả tiền gốc đã vay còn lại 11.700.000 đồng, tiền lãi suất 17.017.650 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 28.717.650 đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Ông Đậu Sỹ T1 là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí tuy nhiên ôn T1 không có đơn đề nghị được miễn án phí nên cần buộc ông Đậu Sỹ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Buộc ông Đậu Sỹ T1 phải trả nợ cho ông Nguyễn Xuân T tiền gốc vay còn nợ là 11.700.000đ, tiền lãi suất là 17.017.650đ, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 28.717.650đ (Hai mươi tám triệu bảy trăm mười bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Đậu Sỹ T1 phải chịu 1.435.800đ (Một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTX Hoàng Mai;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.